

Học phần: Lý thuyết xác suất thống kê

Nhóm: 3

Số tín chỉ:

Ngày thi: 26.06.2016

Giờ thi: 8h

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
1	B15DCQT013	Đỗ Tuấn Anh	D15CQQT01-B	9,0	8,0	8,0	5,5	6,4	
2	B15DCQT004	Dương Thị Vân Anh	D15CQQT04-B	10,0	6,0	10,0	3,5	5,1	
3	B15DCKT008	Nguyễn Thị Lan Anh	D15CQKT04-B	9,0	8,0	9,0	7,5	7,9	
4	B15DCMR001	Phí Phương Anh	D15CQMR01-B	8,0	4,0	5,0		1,7	Vắng
5	B15DCMR004	Trần Phương Anh	D15CQMR01-B	10,0	7,0	7,0	1,0	3,1	
6	B12DCKT179	Trần Thị Phương Anh	D12CQKT04-B	10,0	8,0	8,0	9,5	9,3	
7	B15DCMR005	Trần Thị Phương Anh	D15CQMR02-B	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
8	B12DEPT002	Đào Phương Anh	E12PT	8,0	4,0	5,0		1,7	Vắng có phép
9	B15DCKT024	Mai Thị Hồng Diễm	D15CQKT04-B	10,0	4,0	10,0	3,0	4,5	
10	B15DCQT025	Lâm Thị Ngọc Diệu	D15CQQT01-B	10,0	7,0	8,0	1,5	3,6	
11	B15DCKT029	Đào Thị Thùy Dung	D15CQKT01-B	9,0	8,0	9,0		2,6	Vắng có phép
12	B15DCMR020	Phạm Thùy Dung	D15CQMR02-B	7,0	6,0	10,0	3,5	4,8	
13	B15DCKT021	Lê Tất Đạt	D15CQKT01-B	7,0	4,0	4,0	2,0	2,9	
14	B12DCKT242	Nguyễn Năng Đức	D12CQKT05-B	9,0	9,0	9,0	5,5	6,6	
15	B15DCKT026	Nguyễn Việt Đức	D15CQKT02-B	9,0	4,0	4,0	2,0	3,1	
16	B15DCQT037	Đặng Thị Giang	D15CQQT01-B	10,0	8,0	8,0	5,5	6,5	
17	B15DCQT038	Đỗ Thị Hà Giang	D15CQQT02-B	8,0	7,0	8,0	3,5	4,8	
18	B15DCKT034	Nguyễn Thùy Linh Giang	D15CQKT02-B	10,0	7,0	7,0	5,0	5,9	
19	B15DCQT041	Nguyễn Thị Thu Hà	D15CQQT01-B	10,0	10,0	10,0	5,0	6,5	
20	B15DCMR028	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	D15CQMR01-B	9,0	8,0	5,0	4,5	5,4	
21	B15DCKT046	Phạm Thị Hậu	D15CQKT02-B	10,0	8,0	10,0	4,0	5,6	
22	B15DCKT052	Ngô Thị Thanh Hiền	D15CQKT04-B	10,0	5,0	9,0	5,0	5,9	
23	B15DCKT061	Lê Thị Hòa	D15CQKT01-B	10,0	9,0	9,0	5,5	6,7	
24	B15DCKT060	Nguyễn Thị Hòa	D15CQKT04-B	10,0	10,0	10,0	8,5	9,0	
25	B15DCQT073	Hán Văn Hoàng	D15CQQT01-B	9,0	10,0	9,0	3,5	5,3	
26	B15DCQT077	Phùng Thanh Huệ	D15CQQT01-B	10,0	10,0	10,0	5,0	6,5	
27	B15DCMR043	Chu Thị Huyền	D15CQMR01-B	10,0	5,0	9,0	5,5	6,3	
28	B15DCKT075	Hoàng Thị Thanh Huyền	D15CQKT03-B	10,0	4,0	6,0		2,0	Vắng
29	B15DCQT084	Cán Thị Hương	D15CQQT04-B	10,0	10,0	10,0	4,5	6,2	
30	B15DCKT074	Phạm Thị Hường	D15CQKT02-B	10,0	7,0	8,0	5,5	6,4	
31	B15DCKT086	Nguyễn Thị Lệ	D15CQKT02-B	9,0	7,0	8,0	5,0	5,9	
32	B15DCMR047	Nguyễn Thị Lệ	D15CQMR02-B	10,0	10,0	10,0	8,0	8,6	
33	B15DCQT103	Nguyễn Thị Liên	D15CQQT03-B	9,0	9,0	9,0	5,0	6,2	
34	B15DCKT087	Nguyễn Thị Mỹ Liên	D15CQKT03-B	9,0	6,0	9,0	6,5	7,0	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
35	B15DCKT094	Nguyễn Thị Hoài Linh	D15CQKT02-B	9,0	8,0	10,0	6,5	7,3	
36	B15DCQT106	Nguyễn Thị Mỹ Linh	D15CQQT02-B	9,0	8,0	10,0	5,0	6,2	
37	B15DCQT109	Phạm Hà Linh	D15CQQT01-B	9,0	10,0	10,0	3,0	5,0	
38	B15DCMR053	Vũ Thị Phương Loan	D15CQMR02-B	10,0	10,0	10,0	9,0	9,3	
39	B15DCKT098	Khúc Thị Lương	D15CQKT02-B	9,0	7,0	10,0	5,0	6,1	
40	B15DCQT115	Dương Thị Khánh Ly	D15CQQT03-B	10,0	10,0	10,0	9,0	9,3	
41	B15DCKT100	Lương Thị Khánh Ly	D15CQKT04-B	10,0	9,0	8,0	9,5	9,4	
42	B15DCMR055	Phạm Thị Ngọc Ly	D15CQMR01-B	10,0	10,0	10,0	8,5	9,0	
43	B15DCMR056	Vũ Thị Lý	D15CQMR02-B	10,0	10,0	10,0	9,5	9,7	
44	B15DCKT110	Đỗ Ngọc Minh	D15CQKT02-B	8,0	5,0	6,0	2,0	3,3	
45	B15DCMR059	Trần Thị Phương Minh	D15CQMR02-B	10,0	10,0	10,0	2,5	4,8	
46	B15DCMR062	Nguyễn Hương Mơ	D15CQMR02-B	10,0	10,0	10,0	8,5	9,0	
47	B15DCKT113	Nguyễn Hà My	D15CQKT01-B	10,0	10,0	9,0	6,0	7,1	
48	B15DCMR065	Từ Hoàng Nam	D15CQMR02-B	7,0	5,0	5,0	5,5	5,6	
49	B15DCMR067	Nguyễn Thị Hằng Nga	D15CQMR01-B	10,0	10,0	10,0	7,5	8,3	
50	B15DCKT121	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	D15CQKT01-B	10,0	10,0	8,0	1,0	3,5	Thi ghép sang N5
51	B15DCKT123	Hoàng Thị Thảo Nguyên	D15CQKT03-B	10,0	10,0	10,0	8,0	8,6	
52	B15DCKT124	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	D15CQKT04-B	10,0	7,0	8,0	4,0	5,3	
53	B15DCKT126	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	D15CQKT02-B	9,0	6,0	6,0	0,0	2,1	
54	B15DCMR071	Trần Thị Nguyệt	D15CQMR02-B	10,0	10,0	9,0	3,5	5,4	
55	B15DCQT132	Bùi Hồng Nhung	D15CQQT04-B	8,0	5,0	10,0	5,0	5,8	
56	B15DCMR075	Trần Thị Hồng Nhung	D15CQMR03-B	10,0	5,0	5,0	3,0	4,1	
57	B15DCQT137	Ngô Thị Kiều Phương	D15CQQT01-B	10,0	8,0	9,0	5,0	6,2	
58	B15DCKT138	Nguyễn Thị Phương	D15CQKT02-B	10,0	8,0	8,0	3,0	4,7	
59	B15DCQT141	Nguyễn Đức Quỳnh	D15CQQT01-B	8,0	10,0	7,0	5,5	6,4	
60	B15DCKT147	Thái Thị Quỳnh	D15CQKT03-B	10,0	10,0	10,0	6,5	7,6	
61	B15DCQT152	Dương Văn Tâm	D15CQQT04-B	9,0	6,0	7,0	4,5	5,4	
62	B15DCMR088	Lê Thị Tâm	D15CQMR01-B	9,0	7,0	6,0	1,0	2,9	
63	B15DCKT184	Đỗ Thị Tốt	D15CQKT04-B	10,0	10,0	10,0	4,0	5,8	
64	B15DCKT196	Lê Cẩm Tú	D15CQKT04-B	9,0	6,0	5,0	9,5	8,7	
65	B15DCQT188	Đậu Xuân Tuấn	D15CQQT04-B	9,0	7,0	7,0	1,5	3,4	
66	B15DCKT160	Vũ Thị Thanh Thảo	D15CQKT04-B	10,0	10,0	8,0	1,5	3,9	
67	B15DCMR092	Đào Thị Thắm	D15CQMR02-B	9,0	10,0	7,0	4,0	5,4	
68	B15DCKT158	Trịnh Thị Thắm	D15CQKT02-B	10,0	9,0	10,0	6,5	7,5	
69	B15DCQT162	Lưu Duy Thịnh	D15CQQT02-B	10,0	10,0	8,0	4,0	5,6	
70	B15DCKT181	Nguyễn Thị Thùy	D15CQKT01-B	10,0	7,0	8,0	4,5	5,7	